

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim R; sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T; sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim R trình bày:

- Chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2021. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 49 ngày 01/11/2021. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Trọng N, sinh ngày 31/7/2021. Hiện tại cháu N đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị R yêu cầu được giao con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị R chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục), Giấy khai sinh của con chung (bản sao), Đơn yêu cầu không hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Đơn yêu cầu không hòa giải.

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Không có.

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh ngày 15/4/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn ngày 01/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng N, sinh ngày 31/7/2021.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng N, sinh ngày 31/7/2021 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Kim R chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 49 ngày 01/11/2021. Xét thấy việc kết hôn của chị R và anh T tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị R và anh T là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án chị R giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Bị đơn anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy vợ, chồng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét thấy giữa chị R và anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị R và anh T ly hôn.

[5] Về con chung: Vợ, chồng chị R và anh T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng N, sinh ngày 31/7/2021. Khi ly hôn chị R yêu cầu được giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T không thể hiện ý kiến, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng theo lời khai của chị R thì cháu N hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu N cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị R có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; anh T có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với chị R theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là anh T chưa thể hiện ý kiến về việc yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là chị R cấp dưỡng cho con và chị R cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho con. Do đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau khi giải quyết vụ án mà anh T có yêu cầu chị R cấp dưỡng cho con thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim R và anh Nguyễn Thanh T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng N, sinh ngày 31/7/2021 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Lê Thị Kim R chưa phải cấp dưỡng cho con.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Kim R đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009117 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Lê Thị Kim R không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ánh Trúc